

Số: /TB-ĐHVN

Hà Nội, ngày tháng 08 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Tuyển sinh bổ sung đại học chính quy năm 2024

Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội thông báo tuyển sinh bổ sung các chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học chính quy năm 2024, điều chỉnh mục 4 và thay thế thông báo số 806/TB-ĐHVN ngày 18/8/2024 như sau:

#### **1. Đối tượng tuyển sinh**

- Người được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương của Việt Nam hoặc của nước ngoài, có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển và có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

#### **2. Phạm vi tuyển sinh**

Trường Đại học Việt Nhật tổ chức tuyển sinh trong nước và quốc tế.

#### **3. Phương thức tuyển sinh**

- Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024;
- Xét tuyển dựa trên kết quả hồ sơ năng lực thí sinh (đánh giá hồ sơ và phỏng vấn);
- Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức;
- Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT do ĐHQG-HCM tổ chức;
- Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT /ACT /A-Level.

#### 4. Chỉ tiêu, tổ hợp xét tuyển và mức điểm nhận hồ sơ

T T	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành/CTĐT	Ch i tiê u (* )	Tổ hợp xét tuyển	Điểm nhận hồ sơ xét tuyển		
					Xét kết quả thi TN THPT 2024	Đánh giá hồ sơ và phỏng vấn	Các phương thức khác
1	7480204	Khoa học và Kỹ thuật máy tính	55	A00; A01/D28; D07/D23; D08/D33	20,75	20 (Tổng điểm Toán, Văn, Ngoại ngữ hoặc theo tổ hợp xét tuyển ) **	Xem chi tiết trong ghi chú ***
2	7580201	Kỹ thuật xây dựng	30	A00; A01/D28; D07/D23; D01/D06	20		
3	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử ( <i>Cơ điện tử thông minh và sản xuất theo phương thức Nhật Bản</i> )	25	A00; A01/D28; D07/D23; D01/D06	20		
4	7540118QT D	Công nghệ thực phẩm và sức khỏe	25	A00; B00; A01/D28; D01/D06	20		
5	7620122	Nông nghiệp thông minh và bền vững	15	A00; B00; A01/D28; D01/D06	20		

#### Ghi chú:

1) \* Chỉ tiêu bổ sung có thể thay đổi tùy số lượng nhập học thực tế.

2) \*\* Có thể thay thế bằng điều kiện: thí sinh có kết quả học tập trung bình 3 năm bậc THPT của 2 môn (Toán, Ngữ văn) hoặc 2 môn trong tổ hợp xét tuyển (trừ môn ngoại ngữ) mỗi môn đạt từ 7,0 điểm trở lên.

3) \*\*\* Điểm nhận hồ sơ xét tuyển với các phương thức khác:

- Phương thức xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức: 80/150;

- Phương thức xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT do ĐHQG-HCM tổ chức: 760/1200;

- Phương thức xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ): 1200/1600;

- Phương thức xét chứng chỉ ACT (American College Testing): 22/36;

- Phương thức xét chứng chỉ A-Level (Cambridge International Examinations A-Level, UK): 60/100 điểm/môn thi, trong đó bắt buộc có môn Toán.

4) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào về ngoại ngữ

- Có điểm thi môn Ngoại ngữ năm 2024 đạt từ 5,0 điểm trở lên; hoặc Có kết quả học bạ từng kỳ (6 học kỳ) môn Ngoại ngữ đạt tối thiểu từ 7,0 điểm; hoặc Có chứng ngoại ngữ quy đổi tương đương theo Phụ lục 1.2.

Riêng ngành Kỹ thuật xây dựng được đào tạo theo chương trình chuẩn không cần yêu cầu ngoại ngữ nêu trên.

5) Công thức tính điểm nhận hồ sơ:

Điểm nhận = Tổng điểm (Môn 1 + Môn 2 + Môn 3) + Điểm UT (ĐT, KV)

Trong đó, điểm môn Ngoại ngữ trong tổ hợp là điểm thi tốt nghiệp THPT 2024 hoặc điểm được quy đổi theo chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có) trong Phụ lục 1.2.

6) Nguyên tắc và điều kiện xét tuyển của các phương thức căn cứ theo Đề án tuyển sinh đại học chính quy năm 2024 ban hành ngày 18/6/2024 của Trường Đại học Việt Nhật.

## 5. Tổ chức tuyển sinh

### 5.1 Thời gian xét tuyển

Đợt xét	Nhận hồ sơ	Xét kết quả	Thông báo kết quả
1	18/08/2024 – 12h00 ngày 29/08/2024	29/08/2024	Trước 17h00 ngày 29/08/2024
2	30/08/2024 – 12h00 ngày 04/09/2024	04/09/2024	Trước 17h00 ngày 04/09/2024
3	05/09/2024 – 12h00 ngày 16/09/2024	16/09/2024	Trước 17h00 ngày 16/09/2024

Trường Đại học Việt Nhật có thể ngừng nhận hồ sơ và đóng đợt tuyển sinh bổ sung trước thời hạn dự kiến trong trường hợp đã tuyển đủ chỉ tiêu.

### 5.2. Hình thức đăng ký xét tuyển

Thí sinh đăng ký trực tuyến trên website <https://ams.vju.ac.vn/registerForm> và nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tiếp theo địa chỉ: Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Phòng 510, Tầng 5, Cơ sở Mỹ Đình, đường Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

### 5.3. Hồ sơ dự tuyển:

TT	Hồ sơ cần nộp	Ghi chú
1.	01 đơn đăng ký xét tuyển bổ sung theo mẫu hệ thống gửi lại email thí sinh sau khi hoàn thành đăng ký trên website của Trường: <a href="https://ams.vju.ac.vn/registerForm">https://ams.vju.ac.vn/registerForm</a>	Bắt buộc
2.	01 bản sao công chứng giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT năm 2024	Bắt buộc
3.	01 ảnh chụp 4x6 (trong vòng 6 tháng tính tới ngày nộp hồ sơ)	Bắt buộc
4.	01 bản sao công chứng học bạ THPT (đủ 6 kỳ)	Bắt buộc
5.	01 Bản sao công chứng căn cước công dân	Bắt buộc
6.	Bản sao công chứng chứng chỉ ngoại ngữ	Nếu có
7.	Các giấy tờ khác: bằng khen, chứng nhận thành tích, thư giới thiệu ... (Chỉ dành riêng cho phương thức xét tuyển theo xét hồ sơ năng	Nếu có

TT	Hồ sơ cần nộp	Ghi chú
	<i>lực)</i>	

#### 5.4. Lệ phí xét tuyển

- Phương thức xét hồ sơ năng lực (đánh giá hồ sơ và phỏng vấn): 580.000 đồng.
- Các phương thức còn lại: 30.000 đồng.
- Hình thức thanh toán:

Thí sinh quét mã QR tự sinh sau khi nhập thông tin đăng ký trên website <https://ams.vju.ac.vn/registerForm> để chuyển khoản lệ phí tuyển sinh.

#### *Thông tin chuyển khoản:*

Tên ngân hàng:	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Tên chi nhánh:	Chi nhánh Mỹ Đình
Số tài khoản:	2600816336
Tên chủ tài khoản:	Trường Đại học Việt Nhật
Số tiền được chuyển:	<i>Tùy theo hình thức dự thi</i>
Nội dung chuyển tiền:	Thí sinh quét mã QR tự sinh sau khi đăng ký trên website của Trường.

#### 5.5. Thời gian nhập học bổ sung

Thí sinh chưa xác nhận nhập học trực tuyến đợt 1 trên Hệ thống và đạt kết quả xét tuyển bổ sung sẽ nhập học ngay theo hướng dẫn của Hội đồng tuyển sinh.

Thông tin chi tiết xem thêm tại:

- Website: <https://vju.ac.vn/>
- Facebook fanpage: <https://www.facebook.com/vnu.vju/>
- Địa chỉ: Văn phòng Tuyển sinh Trường Đại học Việt Nhật, đường Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Điện thoại: 024 7306 6001 (5093).
- Hotline: 0966 954 736; 0969 638 426.

Thông báo này thay thế cho thông báo số 806/QĐ-ĐHVN ngày 18/08/2024 của Trường Đại học Việt Nhật.

Trân trọng thông báo ./.

#### **Nơi nhận:**

- ĐHQGHN (để b/c);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Phòng Đào tạo&CTSV, các CTĐT (để thực hiện);
- Trưởng các đơn vị (để phối hợp);
- Lưu: VT, ĐT&CTSV, HP15.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Hoàng Oanh**

## Phụ lục 1

**Các chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo được sử dụng trong tuyển sinh đại học tại Trường Đại học Việt Nhật**

### **1.1. Danh sách các chứng chỉ ngoại ngữ được sử dụng**

<b>Môn ngoại ngữ</b>	<b>Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu</b>	<b>Đơn vị cấp chứng chỉ</b>
Tiếng Anh	TOEFL iBT 45 điểm	Educational Testing Service (ETS)
	IELTS 4.0 điểm	- British Council (BC) - International Development Program (IDP)
	Chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam Bậc 3 (VSTEP)	Các đơn vị tổ chức thi theo quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hiện hành
	Cambridge	Cambridge Assessment English
	Aptis Esol	British Council (BC)
	Pearson English International Certificate (PEIC) Level 2	Pearson
Tiếng Nhật	JLPT cấp độ N3	Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)
Tiếng Trung Quốc	- HSK cấp độ 3	Văn phòng Hán ngữ đối ngoại Trung Quốc (Han Ban); Ủy ban Khảo thí trình độ Hán ngữ quốc gia (The National Committee for the Test of Proficiency in Chinese); Tổng bộ Viện Khổng tử (Trung Quốc); Trung tâm hợp tác giao lưu ngôn ngữ giữa Trung Quốc và nước ngoài (Center for Language Education and Cooperation)
	- TOCFL cấp độ 3	Ủy ban công tác thúc đẩy Kỳ thi đánh giá năng lực Hoa ngữ quốc gia (Steering Committee for the Test of Proficiency - Huayu)
Tiếng Pháp	- TCF 300 điểm - DELF B1	- Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pédagogiques - CIEP) - Cơ quan Giáo dục Quốc tế Pháp (France Education International - FEI)

**1.2. Bảng quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo sang thang điểm 10**

- Chứng chỉ tiếng Anh:

<b>IELTS</b>	<b>TOEFL iBT</b>	<b>Aptis ESOL (*)</b>	<b>Cambridge</b>	<b>Pearson English International Certificate (PEIC)</b>	<b>VSTEP (**)</b>	<b>Điểm quy đổi (theo thang điểm 10)</b>
4.0	45	110	- B1 Preliminary 120; - B1 Business Preliminary 120; - B1 Linguaskill 120	-	4.0	7,00
4.5	50	125	- B1 Preliminary 130; - B1 Business Preliminary 130; - B1 Linguaskill 130	23	4.5	7,50
5.0	55	140	- B1 Preliminary 140; - B1 Business Preliminary 140; - B1 Linguaskill 140	29	5.0-5.5	8,00
5.5	72	155	- B1 Preliminary 150; - B1 Business Preliminary 150; - B1 Linguaskill 150	36	6.0	8,50
6.0	79	165	- B1 preliminary 160; - B1 Business Preliminary 160; - B1 Linguaskill 160	46	7.0	9,00
6.5	88	175	- B1 Preliminary 170; - B1 Business Preliminary 170; - B1 Linguaskill 170	56	7.5-8.0	9,25
7.0	96	185	- B1 Preliminary 180; - B1 Business Preliminary 180; - B1 Linguaskill 180	66	8.5	9,50
7.5	102	190	- B1 Preliminary 190; - B1 Business Preliminary 190; - B1 Linguaskill 190	76	9.0-9.5	9,75
8.0 - 9.0	110	195	- B1 Preliminary 200; - B1 Business Preliminary 200; - B1 Linguaskill 200	84	10	10,00

(\*) Chỉ chấp nhận chứng chỉ Aptis ESOL được cấp từ ngày 16 tháng 11 năm 2022 bởi các công ty hoặc tổ chức do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tại Quyết định số 3646/QĐ-BGDĐT ngày 11/11/2022;

(\*\*) Chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được cấp theo mẫu do Bộ GD&ĐT quy định tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08/5/2020.

- Chứng chỉ ngoại ngữ khác:

<b>TT</b>	<b>Chứng chỉ ngoại ngữ</b>	<b>Điểm quy đổi (theo thang điểm 10)</b>
<b>Chứng chỉ tiếng Nhật</b>		
1	JLPT N3	9,00
2	JLPT N2	9,50
3	JLPT N1	10,00
<b>Chứng chỉ tiếng Trung Quốc</b>		
1	HSK cấp độ 3 TOCFL cấp độ 3 (B1)	8,50
2	HSK cấp độ 4 TOCFL cấp độ 4 (B2)	9,00
3	HSK cấp độ 5 TOCFL cấp độ 5 (C1)	9,50
4	HSK cấp độ 6 TOCFL cấp độ 6 (C2)	10,00
<b>Chứng chỉ tiếng Pháp</b>		
1	TCF 300-399 DELF B1	8,50
2	TCF 400-499 DELF B2	9,00
3	TCF 500-599 DALF C1	9,50
4	TCF 600-699 DALF C2	10,00